TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA** **Số: 60/2019/QĐST-HNGĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** *C, ngày 16 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

Căn cứ Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. **Bà Lê Thị Ngọc H.** Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường C, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa.

2. **Ông Nguyễn Văn V.** Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 07 tháng 5 năm 2019 Trung tâm Hòa giải – Đối thoại đã tiến hành phiên hòa giải giữa các đương sự và lập biên bản hòa giải, đoàn tụ không thành; biên bản công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản chung khi ly hôn. Nội dung thỏa thuận của các đương sự bao gồm:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn V thuận tình ly hôn.
- Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Hoàng Kim Ng (sinh ngày 14/7/2014), các bên thống nhất giao con chung cho bà Lê Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm ngàn đồng) thực hiện từ thàng 06/2019 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự trong biên bản hòa giải, đoàn tụ không thành; biên bản công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản chung khi ly hôn ngày 07 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, đoàn tụ không thành; biên bản công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản chung khi ly hôn không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn V thuận tình ly hôn. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 28/11/2013 tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa)*

1.2 Về con chung:

Giao con chung tên là Nguyễn Lê Hoàng Kim Ng (sinh ngày 14/7/2014) cho bà Lê Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm ngàn đồng) thực hiện từ tháng 06/2019 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn V không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn V phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định pháp luật là 300.000 đồng (mỗi người 150.000 đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000391 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố C. Bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn V đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quy định:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận**:
- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKS TP. C;*
- *THADS TP. C;*
- *UBND phường C – Cam Ranh;*
- *Lưu.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiếu